

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Thôn T1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Trọng B, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Thôn T1, xã T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 30/11/2022 và các lời khai trong hồ sơ, nguyên đơn chị T trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Ngô Trọng B thời gian năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 16 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh gay gắt từ đầu năm 2022 đến nay ngày càng trầm trọng do phong cách sống không phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong việc nuôi dạy các con, không cùng nhau chia sẻ những khó khăn về kinh tế gia đình, anh B

sống không chung T nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù chị và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo để anh B thay đổi cách sống, vợ chồng trở lại đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh Ngô Trọng B.

Về con chung: Có 02 con là Ngô Thị Minh T1, sinh ngày 17/11/2007 và Ngô Tùng L, sinh ngày 17/11/2010, hiện đang do anh B nuôi dưỡng. Chị đồng ý để anh B trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của 2 con. Chị nhận có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng. Hiện nay chị và anh B đều có công việc và thu nhập ổn định, nhưng anh B có nơi ăn ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi các con tốt hơn chị.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh B trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/12/2022: Thống nhất với chị T về thời gian điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, chị T thường xuyên nghi ngờ anh sống không chung T, chị T không biết cách đối nhân xử thế, không biết vun vén cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên phát sinh và đã sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung; nhưng do anh còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn mà xin đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Có 02 con là Ngô Thị Minh T1, sinh ngày 17/11/2007 và Ngô Tùng L, sinh ngày 17/11/2010, hiện đang do anh nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của 2 con. Anh không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh có công việc và thu nhập ổn định, có nơi ăn ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi các con tốt.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh B vắng mặt không có lý do. Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai, anh B vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng

dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh B là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh B. Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Minh T1, sinh ngày 17/11/2007 và Ngô Tùng L, sinh ngày 17/11/2010 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị T xin ly hôn anh B và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Anh B đang cư trú tại thôn T1, xã T, huyện K; căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Anh B là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh B xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, K ngày 25/10/2006. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B được xác định là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng không cùng nhau chia sẻ những khó khăn về kinh tế gia đình, chị T nghi ngờ anh B sống không chung T, phong cách sống đôi bên không còn phù hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều

lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị T xin ly hôn, anh B không đồng ý ly hôn mà xin đoàn tụ. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự cũng như những tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tài liệu xác minh, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh B đã L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh B là phù hợp.

[4] Về nuôi con: Anh chị có 02 con chung là Ngô Thị Minh T1, sinh ngày 17/11/2007 và Ngô Tùng L, sinh ngày 17/11/2010, hiện đang do anh B nuôi dưỡng. Anh chị đều đồng ý để anh B trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi. Hiện nay anh B đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con tốt. Mặt khác, nguyện vọng của cháu T1, cháu L đều muốn được ở với anh B. Trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của các cháu, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; cần giao cháu T1 và cháu L cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Mặc dù anh B không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên chị T nhận có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp, cần chấp nhận.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Ngô Trọng B.
2. Về nuôi con: Giao cháu Ngô Thị Minh T1, sinh ngày 17/11/2007 và Ngô Tùng L, sinh ngày 17/11/2010 cho anh Ngô Trọng B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Đỗ Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng/tháng); thời gian từ tháng 02 năm 2023 hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Đỗ Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh B cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng cho con, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001826 ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị Đỗ Thị T còn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Ngô Trọng B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Thị Minh

Đặng Thị Đôì

Phạm Thị Ngà

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Tân

Phan Thị Minh Phương

Phạm Thị Ngà

